

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai

108041086160

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

2

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

Ngày đăng ký

11/03/2026 15:54:51

Số tờ khai đầu tiên

Mã loại hình

A11 2 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai

9018

Mã bộ phận xử lý tờ khai

00

Ngày khai

Ngày thay đổi đăng ký

11/03/2026 19:06:36

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

0804108616

Người nhập khẩu

Mã

0801372056

Tên

CÔNG TY TNHH TMDV CÔNG BÌNH

Mã bưu chính

Địa chỉ

Số nhà 41, ngõ 207 Quang Trung, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

Số điện thoại

+84

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

Tên

FOSHAN KEJU MEDICAL APPARATUS CO.,LTD

Mã bưu chính

Địa chỉ

BUILDING NO.3, DISTRICT 2.SHANGAN

INDUSTRY. DANZHAO. SHISHAN TOWN

NANHAI DISTRICT. FOSHAN GUANGDONG

CHINA

Mã nước

CN

Người ủy thác xuất khẩu				Mã nhân viên Hải quan			
Đại lý Hải quan							
Số vận đơn				Địa điểm lưu kho	03CES11	CANG NAM DINH VU	
1 030326GZHPH2601406				Địa điểm dỡ hàng	VNDVN	CANG NAM DINH VU	
2				Địa điểm xếp hàng	CNNSA	NANSHA	
3				Phương tiện vận chuyển			
4					9999	CAIYUNHE V.1930S	
5				Ngày hàng đến		06/03/2026	
Số lượng		42	BX	Ký hiệu và số hiệu			
Tổng trọng lượng hàng (Gross)		10.870	KGM				
Số lượng container		1					
				Ngày được phép nhập kho đầu tiên			
				Mã văn bản pháp quy khác		UY	

Số hóa đơn

A - 1250825S

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành

25/08/2025

Phương thức thanh toán

KC

Tổng trị giá hóa đơn

A - FOB - USD -

Tổng trị giá tính thuế

Tổng hệ số phân bổ trị giá

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu			
1	UY02	- 2600000001/PCBB-HP	
2	UY02	- 012/2025/PL-CB	3 -
4	-		5 -
Mã phân loại khai trị giá		6	
Khai trị giá tổng hợp		-	-
Các khoản điều chỉnh			-
Phí vận chuyển		A - VND -	24.206.120
Phí bảo hiểm		D - -	-
Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ
1	-	-	-
2	-	-	-
3	-	-	-
4	-	-	-
5	-	-	-
Chi tiết khai trị giá			
03032026#& Phương thức thanh toán T/T.			

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng					
1 V Thuế GTGT	VND	1	Tổng tiền thuế phải nộp	VND			
2	VND		Số tiền bảo lãnh	VND			
3	VND		Tỷ giá tính thuế	USD	-	26.027	
4	VND						
5	VND						
6	VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	D	Người nộp thuế	1	
			Mã lý do đề nghị BP		Phân loại nộp thuế	A	
Tổng số trang của tờ khai			3	Tổng số dòng hàng của tờ khai			
				1			

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai

108041086160

Số tờ khai đầu tiên

/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

2

Mã loại hình

A11 2 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai

9018

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

HQDINHVVU

Mã bộ phận xử lý tờ khai

00

Ngày đăng ký

11/03/2026 15:54:51

Ngày thay đổi đăng ký

11/03/2026 19:06:36

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Số định kèm khai báo điện tử

1

ETC -

722545768140

2

-

3

-

Phần ghi chú

CB số 260000001/PCBB-HP. PL số 012/2025/PL_CB

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp	Số quản lý người sử dụng	00001
Phân loại chỉ thị của Hải quan	A	
Ngày	Tên	Nội dung
1	11/03/2026TB	Đề nghị DN xuất trình chứng từ theo quy định và hoàn thành nghĩa vụ về lệ phí hải quan.
2	/ /	
3	/ /	
4	/ /	
5	/ /	
6	/ /	
7	/ /	
8	/ /	
9	/ /	
10	/ /	

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan

Trưởng Hải quan của khẩu cảng Đình Vũ

Ngày cấp phép

12/03/2026 14:40:44

Ngày hoàn thành kiểm tra

12/03/2026 13:05:02

Phân loại thẩm tra sau thông quan

Ngày phê duyệt BP

/ /

Ngày hoàn thành kiểm tra BP

/ /

Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu

Tổng số tiền thuế chậm nộp

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)	Địa điểm	Ngày đến		Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	~	/ /
	2	/ /	~	/ /
	3	/ /	~	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế		/ /		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai

108041086160

Số tờ khai đầu tiên

/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

2

Mã loại hình

A11 2 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai

9018

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

HQDINHVVU

Mã bộ phận xử lý tờ khai

00

Ngày đăng ký

11/03/2026 15:54:51

Ngày thay đổi đăng ký

11/03/2026 19:06:36

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<01>

Mã số hàng hóa

90184900

Mã quản lý riêng

Mã phân loại tái xác nhận giá

[]

Mô tả hàng hóa

Ghế nha khoa, model: KJ-917, dùng trong khám, điều trị, phục hình và phẫu thuật nha khoa cho người, điện áp 230VAC, 50/60Hz, 350VA. HSX: FOSHAN KEJU MEDICAL APPARATUS CO., LTD. Mới 100%. 1 SET = 1 PCE

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Số lượng (1)

42

SET

Trị giá hóa đơn

Số lượng (2)

42

PCE

Thuế nhập khẩu

Đơn giá hóa đơn

USD

SET

Trị giá tính thuế(S)

VND

Trị giá tính thuế(M)

-

Số lượng tính thuế

Đơn giá tính thuế

- VND

-

SET

Thuế suất

A

0% -

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế

VND

Nước xuất xứ

CN - CHINA - B01

Số tiền miễn giảm

VND

Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu

-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác				
1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB145
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	5%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế		VND	
	Số tiền miễn giảm		VND	